

UBND HUYỆN CỬ CHI
PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2257/TCKH

Cử Chi, ngày 31 tháng 10 năm 2024

Về việc báo cáo kết quả thực hiện cơ chế
tự chủ ước thực hiện năm 2024 theo Nghị
định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số
60/2021/NĐ-CP.

Kính gửi:

- Chủ tịch UBND các xã, thị trấn;
- Thủ trưởng các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện.

Thực hiện Công văn số 16713/UBND-NV ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc triển khai đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân huyện năm 2023;

Để kịp thời tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện đề nghị Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện chỉ đạo thực hiện các báo cáo (theo mẫu đính kèm), cụ thể như sau:

1. Đối với các đơn vị dự toán thuộc Khối Đoàn thể huyện, Khối QLNN huyện và UBND các xã, thị trấn: Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ ước thực hiện năm 2024 theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ theo **mẫu số 01, mẫu số 02**.

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện: Báo cáo thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập ước thực hiện năm 2024 theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP theo **Phụ lục số 06 và biểu mẫu báo cáo kèm theo Phụ lục số 06**.

Thời gian gửi báo cáo: gửi về Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện **trước ngày 05 tháng 11 năm 2024** (thứ ba).

Rất mong Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện phối hợp chỉ đạo thực hiện báo cáo đúng thời gian quy định để Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện hoàn thành nhiệm vụ được giao./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. UBND huyện (để b/c);
- Lưu: VT, TCKH.VTTrang.



Nguyễn Ngọc Lan

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ
130/2005/NĐ-CP NGÀY 17/10/2005 VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 117/2013/NĐ-CP
NGÀY 07/10/2013 CỦA CHÍNH PHỦ ƯỚC THỰC HIỆN
NĂM 2024**

I/ Đánh giá chung:

- Về thực hiện nhiệm vụ được giao, chất lượng, hiệu quả công việc, thời gian giải quyết công việc, quy trình xử lý công việc.
- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công việc (có đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn hay không?)
- Về tư tưởng của cán bộ công chức trong cơ quan.

II/ Đánh giá cụ thể:

1/ Về số lượng đơn vị thực hiện tự chủ

- Cơ quan cấp huyện:
- + Số lượng cơ quan chuyên môn cấp huyện:
- + Số đơn vị được giao thực hiện tự chủ:
- + Số đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ:
- Cấp xã:

2/ Về kinh phí:

a/ Kinh phí quản lý hành chính được giao (tổng số):đồng

Trong đó:

* Kinh phí thực hiện tự chủ :đồng.

- Số kinh phí thực hiện : đồng.

- Số kinh phí tiết kiệm được : đồng.

+ Tiết kiệm chi quỹ lương (do chưa tuyển đủ số biên chế được giao):
đồng

+ Tiết kiệm các khoản chi khác (ngoài quỹ lương) :
đồng

Phân tích kỹ nguyên nhân tiết kiệm kinh phí:

+ Do tiết kiệm biên chế

- Tổng số biên chế được giao : người.
- Số biên chế có mặt : người.
- Số biên chế tiết kiệm được : người.

Trong đó:

- ✓ Về hưu, nghỉ theo chế độ : người.
- ✓ Thôi việc : người.
- ✓ Chuyển công việc khác do sắp xếp tổ chức: người.
- ✓ Biên chế tiết kiệm : người.
- ✓ Biên chế chưa sử dụng : người.

+ Do các nguyên nhân khác:

- Tiết kiệm công tác phí : đồng.
- Tiết kiệm chi tổ chức hội nghị : đồng.
- Tiết kiệm văn phòng phẩm : đồng.
- Tiết kiệm xăng dầu : đồng.
- Tiết kiệm điện : đồng.

.....

- Số đơn vị thực hiện tiết kiệm được so với kinh phí được giao:đơn vị.
- Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao:%
- Đơn vị có tỷ lệ tiết kiệm so với kinh phí được giao cao nhất:%

*Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ : đồng.

b/ Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm được :

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 0,1 lần : đơn vị.
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,1-0,2 lần :đơn vị.
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,2-0,3 lần :đơn vị.
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,3-0,4 lần :đơn vị.
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập trên 0,4 lần :đơn vị.
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,9-1 lần :đơn vị.
- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất là :đ/tháng
- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là : đ/tháng
- Trích quỹ và các khoản chi khác : đồng

+ Quỹ khen thưởng	:..... đồng
+ Quỹ phúc lợi	: đồng
+ Tăng thu nhập	: đồng
+ Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	: đồng

3/ Các biện pháp thực hành tiết kiệm:

.....

4/ Những khó khăn, tồn tại kiến nghị:

.....

Người lập báo cáo

Củ Chi, ngày tháng năm 2024.
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ THEO
NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP NGÀY 17/10/2005 VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 117/2013/NĐ-CP NGÀY 07/10/2013 CỦA CHÍNH
PHỦ ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024**

(Kèm theo Báo cáo Mẫu số 02, Thông tư Liên tịch số 03/2006/TTLT-BTC-BNV)

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Tổng cộng	Tổng cộng	
				Khối Quận, huyện	Khối phường xã
1	Về biên chế				
	- Số biên chế được giao năm 2024	người			
	- Số biên chế có mặt	người			
	- Số biên chế tiết kiệm được	người			
	- Tổng số đơn vị	đơn vị			
	- Số đơn vị thực hiện tiết kiệm biên chế	đơn vị			
	* Nguyên nhân giảm (BC tiết kiệm) = 1 - > 5	người			
	1. Về hưu, nghỉ theo chế độ	người			
	2. Thôi việc	người			
	3. Chuyển công tác	người			
	4. Biên chế tiết kiệm	người			
	5. Biên chế chưa sử dụng	người			
2	Về sắp xếp tổ chức bộ máy				
	- Tổng số đơn vị	đơn vị			
	- Số đơn vị đã sắp xếp	đơn vị			
3	Về Kinh phí				
	- Kinh phí tồn năm trước chuyển sang	tr.đồng			
	- Tổng số KP QLHC được giao năm 2024	tr.đồng			
	Tr.đó: * Kinh phí giao thực hiện tự chủ	tr.đồng			
	+ Số kinh phí thực hiện	tr.đồng			
	+ Số kinh phí tiết kiệm được	tr.đồng			
	. Tiết kiệm từ Biên chế	tr.đồng			
	. Tiết kiệm từ chi QLHC	tr.đồng			
	+ Số đơn vị tiết kiệm tiết kiệm được KP	đơn vị			
	+ Tỷ lệ TK được so với KP được giao	%			
	+ Đơn vị có % tiết kiệm cao nhất	%			
	* Kinh phí không thực hiện tự chủ	tr.đồng			
a	Kinh phí tiết kiệm đã phân phối	tr.đồng			
	- Quỹ khen thưởng	tr.đồng			
	- Quỹ phúc lợi	tr.đồng			
	- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	tr.đồng			
	- Chi tăng thu nhập	tr.đồng			
	-Số ĐV có HS tăng TN < 0,1 lần	đơn vị			
	-Số ĐV có HS tăng TN 0,1-0,2 lần	đơn vị			
	-Số ĐV có HS tăng TN 0,2-0,3 lần	đơn vị			
	- Số ĐV có HS tăng TN 0,3-0,4 lần	đơn vị			
	- Số ĐV có HS tăng TN 0,4-0,5 lần	đơn vị			
	- Số ĐV có HS tăng TN 0,5-0,6 lần				
	- Số ĐV có HS tăng TN 0,6-0,7 lần				
	- Số ĐV có HS tăng TN 1 lần				
	Hệ số tăng thu nhập				
	- ĐV có người tăng TN cao nhất	tên đơn vị			
	- ĐV có người tăng TN trung bình	tên đơn vị			

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Tổng cộng	Khối Quận, huyện	Khối phường xã
	- DV có người tăng TN thấp nhất	tên đơn vị			
	* Mức thu nhập tăng thêm				
	- Người cao nhất (ngàn đồng/người/tháng)	ngàn đồng			
	- Người trung bình (ngàn đồng/người/tháng)	ngàn đồng			
	- Người thấp nhất (ngàn đồng/người/tháng)	ngàn đồng			
b	KP tiết kiệm chưa phân phối	tr.đồng			
	Phương thức phân phối thu nhập				
	- Theo hệ số công việc	đơn vị			
	- Theo hệ số lương	đơn vị			
	- Phân phối bình quân	đơn vị			
	- Phương thức phân phối khác . . .	đơn vị			

Người lập Biểu

Thủ trưởng đơn vị

TÊN ĐƠN VỊ

Chương:

Loại - khoản:

Phân loại DVSNCL theo mức độ tự chủ tài chính: (1)

Phân loại DVSNCL theo lĩnh vực, sự nghiệp: (2)

Biểu mẫu báo cáo kèm theo Phụ lục số 6

Năm báo cáo: 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2024

(theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Kèm theo báo cáo số /BC-....., ngày ... tháng ... năm ... của)

TT	Nội dung	Đơn vị	Thực hiện năm trước	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
I	Số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị	Người				
1	Số cán bộ, viên chức	Người				
	Hưởng lương từ ngân sách	Người				
	Hưởng lương từ nguồn sự nghiệp	Người				
2	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên	Người				
	Hưởng lương từ ngân sách	Người				
	Hưởng lương từ nguồn sự nghiệp	Người				
II	Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp	Đồng				
	Trong đó:					
	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ hoặc NSNN đảm bảo chi thường xuyên giao tự chủ	Đồng				
	Quỹ tiền lương từ nguồn thu hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN (do NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ)	Đồng				
	Từ phần chênh lệch thu - chi của hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN; hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết và từ nguồn thu hợp pháp khác	Đồng				
	Quỹ tiền lương từ nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí	Đồng				
	Quỹ tiền lương từ nguồn thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định	Đồng				
III	Nguồn tài chính	Đồng				
A	Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên	Đồng				
A.a	Nguồn thu nhiệm vụ thường xuyên					
1	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, gồm:	Đồng				
1.1	Thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ	Đồng				
	Trong đó:	Đồng				
	Theo giá tính đủ chi phí và có khấu hao tài sản cố định	Đồng				
	Theo giá tính đủ chi phí và không có khấu hao tài sản cố định	Đồng				
1.2	Thu từ người thụ hưởng dịch vụ (như học phí, thu từ dịch vụ khám chữa bệnh của người có thẻ BHYT theo quy định của cấp có thẩm quyền,...)	Đồng				
	Học phí	Đồng				

TT	Nội dung	Đơn vị	Thực hiện năm trước	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
	Viện phí	Đồng				
2	Thu từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định (áp dụng đối với tổ chức khoa học công nghệ công lập)	Đồng				
3	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN; thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết (chỉ tính phần chênh lệch thu lớn hơn chi sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định)	Đồng				
3.1	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN	Đồng				
	<i>Trong đó:</i>	<i>Đồng</i>				
	<i>Hai buổi</i>	<i>Đồng</i>				
	<i>Phục vụ bán trú</i>	<i>Đồng</i>				
	<i>Thiết bị bán trú</i>	<i>Đồng</i>				
	<i>Vệ sinh bán trú</i>	<i>Đồng</i>				
	<i>Tiếng anh bản ngữ</i>	<i>Đồng</i>				
	<i>Tin Học</i>	<i>Đồng</i>				
	<i>Bơi lội</i>	<i>Đồng</i>				
	<i>Kỹ năng sống</i>	<i>Đồng</i>				
	<i>Ngoài giờ</i>	<i>Đồng</i>				
	<i>Cần tin</i>	<i>Đồng</i>				
	...	<i>Đồng</i>				
3.2	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết (chỉ tính phần chênh lệch thu lớn hơn chi sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định)	Đồng				
4	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ trên cơ sở nhiệm vụ được Nhà nước giao, số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các khoản thu của đơn vị (đối với đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên)	Đồng				
5	Nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)	Đồng				
6	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên, do nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)	Đồng				
7	Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có)	Đồng				
	Tiền ăn	Đồng				
	Nước uống	Đồng				
	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	Đồng				
	...	Đồng				
8	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)	Đồng				
A.b	Chi thường xuyên	Đồng				
+	Nguồn ngân sách	Đồng				
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	Đồng				

TT	Nội dung	Đơn vị	Thực hiện năm trước	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
2	Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học	Đồng				
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp	Đồng				
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí	Đồng				
5	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên	Đồng				
6	Trích khấu hao tài sản cố định	Đồng				
7	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)	Đồng				
8	Chi trả lãi tiền vay	Đồng				
9	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nếu có)	Đồng				
+	Nguồn học phí	Đồng				
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	Đồng				
2	Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học	Đồng				
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp	Đồng				
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí	Đồng				
5	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên	Đồng				
6	Trích khấu hao tài sản cố định	Đồng				
7	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)	Đồng				
8	Chi trả lãi tiền vay	Đồng				
9	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nếu có)	Đồng				
10	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên	Đồng				
+	Nguồn sự nghiệp	Đồng				
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	Đồng				
2	Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học	Đồng				
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp	Đồng				
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí	Đồng				
5	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên	Đồng				
6	Trích khấu hao tài sản cố định	Đồng				
7	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)	Đồng				
8	Chi trả lãi tiền vay	Đồng				
9	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nếu có)	Đồng				
10	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên	Đồng				
+	Nguồn kinh phí khác	Đồng				
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	Đồng				
2	Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học	Đồng				
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp	Đồng				
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí	Đồng				
5	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên	Đồng				
6	Trích khấu hao tài sản cố định	Đồng				

TT	Nội dung	Đơn vị	Thực hiện năm trước	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
7	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)	Đồng				
8	Chi trả lãi tiền vay	Đồng				
9	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nếu có)	Đồng				
10	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên	Đồng				
A.c	Phân phối kết quả tài chính (Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ = III-IV)	Đồng				
+	Nguồn ngân sách	Đồng				
	<i>Đơn vị nhóm 2, 3</i>	<i>Đồng</i>				
1	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Đồng				
2	Trích Quỹ bổ sung thu nhập	Đồng				
3	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	Đồng				
4	Trích Quỹ khác (nếu có)	Đồng				
	<i>Đơn vị nhóm 4</i>	<i>Đồng</i>				
1	Chi bổ sung thu nhập	Đồng				
2	Chi khen thưởng	Đồng				
3	Chi phúc lợi	Đồng				
4	Trích lập quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho viên chức, người lao động	Đồng				
5	Số kinh phí tiết kiệm được, cuối năm chưa sử dụng hết, còn dư được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	Đồng				
+	Nguồn học phí, viện phí	Đồng				
	<i>Đơn vị nhóm 2, 3</i>	<i>Đồng</i>				
1	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Đồng				
2	Trích Quỹ bổ sung thu nhập	Đồng				
3	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	Đồng				
4	Trích Quỹ khác (nếu có)	Đồng				
	<i>Đơn vị nhóm 4</i>	<i>Đồng</i>				
1	Chi bổ sung thu nhập	Đồng				
2	Chi khen thưởng	Đồng				
3	Chi phúc lợi	Đồng				
4	Trích lập quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho viên chức, người lao động	Đồng				
5	Số kinh phí tiết kiệm được, cuối năm chưa sử dụng hết, còn dư được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	Đồng				
+	Nguồn sự nghiệp	Đồng				
	<i>Đơn vị nhóm 2, 3</i>	<i>Đồng</i>				
1	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Đồng				
2	Trích Quỹ bổ sung thu nhập	Đồng				
3	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	Đồng				
4	Trích Quỹ khác (nếu có)	Đồng				
	<i>Đơn vị nhóm 4</i>	<i>Đồng</i>				
1	Chi bổ sung thu nhập	Đồng				
2	Chi khen thưởng	Đồng				
3	Chi phúc lợi	Đồng				
4	Trích lập quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho viên chức, người lao động	Đồng				
5	Số kinh phí tiết kiệm được, cuối năm chưa sử dụng hết, còn dư được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	Đồng				
+	Nguồn khác	Đồng				
	<i>Đơn vị nhóm 2, 3</i>	<i>Đồng</i>				
1	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Đồng				

TT	Nội dung	Đơn vị	Thực hiện năm trước	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
2	Trích Quỹ bổ sung thu nhập	Đồng				
3	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	Đồng				
4	Trích Quỹ khác (nếu có)	Đồng				
	<i>Đơn vị nhóm 4</i>	<i>Đồng</i>				
1	Chi bổ sung thu nhập	Đồng				
2	Chi khen thưởng	Đồng				
3	Chi phúc lợi	Đồng				
4	Trích lập quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho viên chức, người lao động	Đồng				
5	Số kinh phí tiết kiệm được, cuối năm chưa sử dụng hết, còn dư được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	Đồng				
+	Thu nhập tăng thêm của các đơn vị	Đồng				
	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân	Lần (quỹ tiền lương)				
	Dưới 01 lần lương	Số đơn vị				
	Từ 1 lần đến 2 lần lương	Số đơn vị				
	Từ trên 2 lần đến 3 lần lương	Số đơn vị				
	Từ trên 3 lần lương	Số đơn vị				
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất, tên đơn vị	Đồng				
	Người có thu nhập ứng thêm thấp nhất, tên đơn vị	Đồng				
B	<i>Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ</i>	Đồng				
	(Chi tiết từng nguồn kinh phí)	Đồng				
1	Nguồn thu	Đồng				
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (chi tiết từng loại kinh phí)	Đồng				
	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)	Đồng				
	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	Đồng				
	Kinh phí vốn đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền	Đồng				
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao	Đồng				
	Kinh phí thực hiện tình gián biên chế	Đồng				
	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức theo đề án được duyệt	Đồng				
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên	Đồng				
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật	Đồng				
d	Nguồn khác	Đồng				
2	Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ	Đồng				
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (chi tiết từng loại kinh phí)	Đồng				
	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)	Đồng				

TT	Nội dung	Đơn vị	Thực hiện năm trước	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	Đồng				
	Kinh phí vốn đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền	Đồng				
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao	Đồng				
	Kinh phí thực hiện tính gián biên chế	Đồng				
	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức theo đề án được duyệt	Đồng				
b	Nguồn thu phí được để lại chỉ nhiệm vụ không thường xuyên	Đồng				
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật	Đồng				
d	Nguồn khác	Đồng				
IV	Về vay vốn, huy động vốn	Đồng				
1	Vốn vay của các tổ chức tín dụng	Đồng				
	Số vốn vay	Đồng				
	Số đã trả nợ	Đồng				
2	Huy động vốn của cán bộ, viên chức	Đồng				
	Số vốn huy động	Đồng				
	Số đã trả	Đồng				